

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 243/2020/DS-PT
Ngày 06 – 11 – 2020
V/v tranh hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Phương
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 224/2020/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2020/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 232/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh B ..

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1975 (Có mặt).

2. Bà Chung Thị T2, sinh năm 1972 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, thành phố C ., tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hoàng T1, bà Chung Thị T2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị U trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ bà con thông gia với nhau, tháng 4 năm 2012 bà cho vợ chồng ông Nguyễn Hoàng T1, bà Chung Thị T2 vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận lãi 10%/1 tháng, khi vay không có viết biên nhận, không thỏa thuận khi nào thanh toán vốn, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng tiền lãi. Ông T1, bà T2 thanh toán cho bà được 5.000.000 đồng tiền lãi, bà nhận hai lần (Lần thứ

nhất bà nhận 2.000.000 đồng, lần thứ hai bà nhận thêm 3.000.000 đồng). Ông T1, bà T2 ngưng không thanh toán nữa. Bà có đến nhà ông T1, bà T2 đòi nhiều lần nhưng ông T1, bà T2 không thanh toán. Đến cuối năm 2012, ông T1, bà T2 bỏ địa phương đi, nên bà không gặp ông T1, bà T2 đòi tiền. Trong khoảng thời gian ông T1, bà T2 bỏ đi đến cuối năm 2013, người cho ông T1, bà T2 thuê đất cất quán cơm đã bán quán cơm được 10.000.000 đồng, đưa hết số tiền 10.000.000 đồng cho bà và nói thanh toán tiền giùm ông T1, bà T2. Từ đó cho đến nay, bà không có nhận từ ông T1 bà T2 thêm khoản tiền nào khác. Do ông T1, bà T2 bỏ đi nên bà không khởi kiện ông T1, bà T2 ra Tòa được vì không biết địa chỉ. Đến năm 2018, ông T1, bà T2 về địa phương, bà có nhắn qua người thân của ông T1, bà T2 yêu cầu ông T1, bà T2 thanh toán số tiền thiếu, nhưng ông T1, bà T2 vẫn không thực hiện.

Nay, bà yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng T1 và bà Chung Thị T2 thanh toán cho bà số tiền vốn và lãi là 24.200.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, hai trăm ngàn đồng*). Trong đó, 20.000.000 đồng tiền vốn; lãi tính từ tháng 04/2012 đến 7/2020) là 19.200.000 đồng, trừ số tiền bà đã nhận là 15.000.000 đồng, còn thiếu tiền lãi là 4.200.000 đồng.

Ông Nguyễn Hoàng T1 và bà Chung Thị T2 thống nhất trình bày:

Ông bà thừa nhận vào năm 2012 có mượn bà Nguyễn Thị U nhiều lần cộng dồn lại là 11.500.000 đồng và ông bà mua đồ tạp hóa thiếu 8.500.000 đồng, tổng cộng hai khoản là 20.000.000 đồng. Do, ông bà làm ăn thất bại không có tiền thanh toán cho bà U nên đến tháng 4 năm 2012 bà U quy thành tiền vay. Ông bà nợ bà U là 20.000.000 đồng, lãi suất 10%/1 tháng (mỗi tháng ông bà thanh toán cho bà U là 2.000.000 đồng tiền lãi), khi thỏa thuận hai bên không có viết biên nhận, không thỏa thuận khi nào thanh toán tiền vốn. Quá trình vay, ông bà có thanh toán cho bà U nhiều lần, lần thứ nhất thanh toán 15.000.000 đồng, khoảng 02 tháng sau ông bà tiếp tục thanh toán cho bà U 6.000.000 đồng, các lần thanh toán tiền cho bà U thì ông bà không nói rõ thanh toán tiền lãi hay tiền vốn, và không có biên nhận. Do bà U và chồng bà U thường xuyên đòi tiền ông bà, chồng bà U nhậu xỉn về đòi tiền mà ông bà không có thì chồng bà U đánh ông T1 nên từ đó ông bà sợ mà trốn khỏi địa phương. Khoảng 01 tháng sau (cuối năm 2012), khi ông bà bỏ đi thì người chủ cho ông bà thuê đất cất quán cơm đã bán quán cơm của vợ chồng ông bà được 10.000.000 đồng. Người chủ đất có gọi điện thoại cho vợ chồng ông bà thì ông bà kêu chủ đất đưa hết số tiền 10.000.000 đồng cho bà U để thanh toán hết nợ. Từ đó đến nay, vợ chồng ông bà không có vay nợ bà U thêm lần nào nữa. Nay bà U yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông, bà thanh toán cho bà U số tiền tổng cộng 24.200.000 đồng, Ông, bà không đồng ý vì ông bà không còn nợ bà U.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2020/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Hoàng T1, bà Chung Thị T2 thanh toán cho bà Nguyễn Thị U tổng số tiền là

14.082.500 đồng (*Mười bốn triệu, không trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng*) (trong đó, nợ gốc 10.000.000 đồng, lãi 4.082.500 đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn kiện đòi bị đơn thanh toán số tiền lãi 10.117.500 đồng (*Mười triệu một trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/8/2020, ông Nguyễn Hoàng T1, bà Chung Thị T2 có đơn kháng bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Hoàng T1, bà Chung Thị T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng T1 tranh luận: Không tranh luận.

Bà Chung Thị T2 tranh luận: Không tranh luận.

Bà Nguyễn Thị U tranh luận: Không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2020/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông T1, bà T2 kháng cáo cho rằng: Năm 2012, ông, bà có kết nợ với bà U số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Ông, bà đã trả cho bà U 03 lần với số tiền 31.000.000 đồng. Lần trả cuối cùng là cuối năm 2012 nên ông, bà không còn thiếu nợ bà U nên không đồng ý trả 14.082.500 đồng. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng T1, bà Chung Thị T2, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Bà Nguyễn Thị U với ông Nguyễn Hoàng T1, bà Chung Thị T2 thống nhất trình bày: Vào tháng 4/2012, ông T1, bà T2 có vay của bà Nguyễn Thị U 20.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất, vay không xác định thời hạn. Đây là điều không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Nguyễn Hoàng T1, bà Chung Thị T2 cho rằng có trả cho bà Nguyễn Thị U 31.000.000 đồng là đã trả xong nợ cho bà U. Trình bày trên của ông T1, bà T2 không có văn bản, chứng cứ nào chứng minh. Chính ông T1, bà T2 cũng thừa nhận khi trả nợ thì không có biên nhận thể hiện có việc trả nợ như trình bày của ông, bà. Bà U cũng không thừa nhận ông T1, bà T2 trả bà số tiền 31.000.000 đồng. Bà U thừa nhận, ông T1, bà T2 có trả cho bà U 5.000.000 đồng tiền lãi và 10.000.000 đồng tiền vốn nên ghi nhận sự thừa nhận của bà U.

[4] Bà U, ông T1, bà T2 thống nhất ông T1, bà T2 trả 10.000.000 đồng cho bà U vào tháng 12 năm 2012 nên từ tháng 4/2012 đến tháng 12 năm 2012 tính lãi trên số tiền vốn 20.000.000 đồng. Từ tháng 01/2013 đến tháng 7 năm 2020 tính lãi trên số tiền vốn 10.000.000 đồng. Án sơ thẩm tính lãi suất 10%/năm từ tháng 4/2012 đến tháng 7/2020 là thấp so với quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 nhưng nguyên đơn đồng ý không kháng cáo là có lợi cho bị đơn nên cấp phúc thẩm không điều chỉnh lại lãi suất. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở. Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2020/DSST ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[5] Án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng T1, bà Chung Thị T2 không được chấp nhận nên ông T1, bà T2 phải chịu theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng T1, bà Chung Thị T2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 101/2020/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Hoàng T1, bà Chung Thị T2 thanh toán cho bà Nguyễn Thị U tổng số tiền là 14.082.500 đồng (*Mười bốn triệu, không trăm tám mươi hai ngàn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị U có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Hoàng T1, bà Chung Thị T2 không thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn kiện đòi bị đơn thanh toán số tiền lãi 10.117.500 đồng (*Mười triệu, một trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng*).

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị U phải chịu 505.800 đồng. Ngày 19/5/2020, bà U đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.375.000 đồng (*Một triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001843 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, bà U được hoàn lại số tiền 869.200 đồng.

+ Ông Nguyễn Hoàng T1, bà Chung Thị T2 phải chịu số tiền 704.000 đồng (*Bảy trăm lẻ bốn ngàn đồng*).

Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hoàng T1, bà Chung Thị T2 phải nộp 300.000 đồng. Ngày 13/8/2020, ông Hoàng, bà T2 có nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0002302 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chuyên thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau ;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Trung

